

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỆN THÔNG
KHÔNG CÓ HẠ TÀNG MẠNG

Số: /GP-SKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
Có giá trị đến hết ngày tháng năm 2036
Cấp lần đầu ngày tháng năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; An toàn bức xạ và hạt nhân; Bưu chính; Viễn thông và Internet; Tần số vô tuyến điện; Hoạt động Khoa học thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét Đơn kèm Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số 885/2026/CV-CTEL ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hạ tầng số và Kết nối.

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG CMC

Tên giao dịch quốc tế: CMC TELECOMMUNICATION INFRASTRUCTURE CORPORATION

Tên doanh nghiệp viết tắt: CMC TELECOM

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà CMC, Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102900049 do Sở Tài chính¹ Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 19 tháng 05 năm 2026 tại Thành phố Hà Nội. (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất sau:

- Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ thoại, Dịch vụ nhắn tin.

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước và quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi toàn quốc.

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Bán lại dịch vụ viễn thông.

a) Đối với dịch vụ thoại: Doanh nghiệp được phép bán lại dịch vụ thoại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là tổ chức, doanh nghiệp trên cơ sở mua lưu lượng thoại kết cuối vào mạng viễn thông của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (loại mạng viễn thông di động mặt đất sử dụng băng tần). Dịch vụ thoại phải kết hợp giải pháp hiển thị thông tin về nguồn gửi sử dụng tên định danh theo quy định của pháp luật.

b) Đối với dịch vụ nhắn tin: Doanh nghiệp được phép bán lại dịch vụ nhắn tin cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là tổ chức, doanh nghiệp trên cơ sở mua lưu lượng nhắn tin kết cuối vào mạng viễn thông của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (loại mạng viễn thông di động mặt đất sử dụng băng tần). Dịch vụ nhắn tin phải kết hợp giải pháp hiển thị thông tin về nguồn gửi sử dụng tên định danh theo quy định của pháp luật.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được thuê và sử dụng kho số viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định tại Giấy phép này theo quy hoạch và quy định về quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được phân bổ và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

¹ Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi hợp nhất

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an toàn, an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định của pháp luật.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026./.

KT. GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Sỹ